

Giải pháp thông minh để đạt hiệu quả cao



Hiệu suất cao

Máy MFP với tốc độ nhanh 75 trang/phút^{*1}. Và đặc biệt là khi hết mực in trong quá trình in, máy vẫn tiếp tục in tài liệu trong khi thay mực mới. Do đó năng suất in sẽ không bị gián đoạn.

Tất cả các tùy chọn hoàn thiện cần thiết

Các tùy chọn hoàn thiện có sẵn cho tất cả các nhu cầu cơ bản – có 1 bộ phận kết nối, bộ phận gấp, 2 bộ phận gắn răng cưa và 1 module cắt. Những bộ phận này giúp dễ dàng tạo mail trực tiếp, tài liệu phát tay, sách nhỏ, tài liệu quảng cáo và nhiều loại hơn 1 cách chuyên nghiệp.

Kết nối đám mây^{*2}

Chỉ cần đăng nhập một lần để kết nối trực tiếp MFP với nhiều dịch vụ đám mây khác nhau, như Microsoft Teams. Các ứng dụng cũng có thể được tải xuống dễ dàng từ đám mây. Các bản cập nhật được hiển thị rõ ràng, giúp bạn luôn sử dụng phiên bản dịch vụ mới nhất.

Bảo mật tuyệt đối

Máy in đa chức năng (MFP) được trang bị nhiều lớp bảo mật để bảo vệ thiết bị và dữ liệu quan trọng. Khi khởi động, máy sẽ tự động kiểm tra các bất thường trong phần mềm BIOS. Nếu phát hiện sự cố, máy sẽ ngừng quá trình khởi động. Trong trường hợp có vấn đề liên quan đến firmware, máy sẽ cố gắng khôi phục để bảo vệ hệ thống. Bạn cũng có thể cài đặt phần mềm tùy chọn để ngăn chặn các cuộc tấn công từ các thiết bị kết nối với máy MFP.

Kết nối thiết bị di động

Các thiết bị di động cài đặt ứng dụng Sharpdesk Mobile^{*3} có thể kết nối trực tiếp với máy MFP để in ấn hoặc tải xuống dữ liệu scan. Máy MFP cũng có thể được trang bị AirPrint và Sharp Print Service Plugin, mang lại cách thức thực hiện công việc mượt mà và hiệu quả hơn.

Trợ thủ đắc lực trong công việc

Màn hình cảm ứng Full-Flat 10.1 inch

Với nhiều chức năng truy cập thông qua các biểu tượng đơn giản, trực quan, máy MFP sẽ hoạt động dễ dàng và suôn sẻ.

Màn hình hiển thị thông tin đầy đủ

Bảng điều khiển hiển thị trạng thái của máy MFP, cho bạn biết các hoạt động hiện tại và thông báo về các vấn đề như giấy, mực in và bảo trì.

Bộ nạp tài liệu DSPF

Bộ DSPF (bộ nạp và đảo tài liệu tự động song công) có thể scan cùng lúc hai mặt của tài liệu, xử lý lên đến 300 tờ mỗi lần. Với tốc độ quét lên đến 280 trang/phút^{*4} (hai mặt), máy MFP có thể hoàn thành các công việc lớn một cách nhanh chóng. Bộ nạp danh thiếp chuyên dụng trên DSPF có thể scan hàng loạt lên đến 150 danh thiếp.

Scan thông minh

Chỉ cần chạm vào nút Auto Set, máy MFP sẽ tự động chọn độ phân giải, gradation, và tỷ lệ nén phù hợp nhất. Ngoài ra, máy còn có khả năng tự động chỉnh hướng các trang (tùy chọn) và sửa các tờ giấy bị lệch.

Thiết kế thân thiện với môi trường

Mặc dù tích hợp nhiều chức năng, máy văn phòng này vẫn duy trì hiệu suất năng lượng tuyệt vời. Công nghệ mực in sấy ở nhiệt độ thấp giúp giảm đáng kể mức tiêu thụ năng lượng của máy.

Cập nhật Firmware từ xa

Firmware của MFP có thể được cập nhật từ xa thông qua dịch vụ cập nhật firmware mà không cần phải thực hiện thao tác dịch vụ trực tiếp. Nhờ vậy, bạn luôn được sử dụng phiên bản hệ thống mới nhất cho máy MFP.

CÁC TÙY CHỌN TÍCH HỢP HOÀN THIỆN CHẤT LƯỢNG CAO – CHUYÊN NGHIỆP

Các tùy chọn hoàn thiện đa dạng giúp tự động hóa các công việc hoàn thiện tài liệu mất thời gian. Có sẵn nhiều tùy chọn để đáp ứng nhu cầu của nhiều loại môi trường làm việc và ứng dụng khác nhau.

Tính năng		MX-FN34 Finisher	MX-FN35 Saddle Stitch Finisher	MX-FN21 Finisher	MX-FN21 Finisher	MX-FN22 Saddle Stitch Finisher	MX-FN22 Saddle Stitch Finisher
					+ MX-FD10 Folding Unit		+ MX-FD10 Folding Unit
Đóng ghim		✓	✓	✓	✓	✓	✓
Đóng ghim không cần kim bấm		✓	✓				
Đóng ghi thủ công		✓	✓				
Đục lỗ *1		✓	✓	✓	✓	✓	✓
Cần răng cưa			✓			✓	✓
Đóng gáy			✓			✓	✓
Gấp nửa					✓		✓
Gấp chữ Z					✓		✓
Gấp chữ C					✓		✓
Gấp kiểu Accordion					✓		✓
Gấp đôi					✓		✓
Cắt *2						✓	✓
Dung lượng giấy *3	Khay hoàn thiện *4	3,250 tờ	3,250 tờ	4,250 tờ	4,250 tờ	4,250 tờ	4,250 tờ

*1: Cần có mô-đun đục lỗ tùy chọn. *2: Cần có module cắt tùy chọn. *3: A4 (8 1/2" x 11"), 80 g/m². *4: Sức chứa giấy tối đa của máy hoàn thiện bao gồm cả khay trên cùng.

Đóng ghim

Góc sau Góc trước 2 điểm

Đục lỗ

Đục 2 lỗ Đục 3 lỗ Đục 4 lỗ Đục 4 lỗ cách nhau

Đóng ghim không cần kim bấm

Cần răng cưa/Đóng gáy

Cần răng cưa Đóng gáy

Cắt

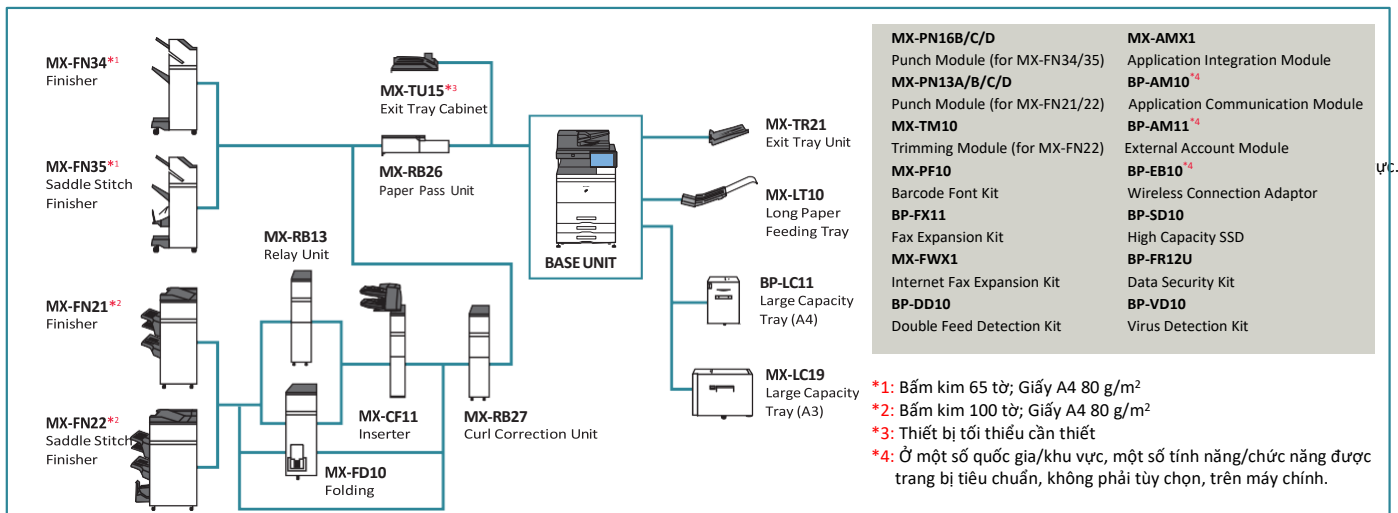
Gấp

Gấp 1 nửa Gấp chữ Z Gấp chữ C Gấp kiểu Accordion Gấp đôi

Chèn

Trang bìa Trang giữa

CẤU TẠO MÁY



Một số thiết bị tùy chọn có thể không có sẵn ở một số khu vực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT THIẾT BỊ TỰY CHỌN

MX-TR21 Khay ra

Khổ giấy	A3W đến A6* ¹ (12" x 18" đến 5 1/2" x 8 1/2"*)
Định lượng giấy	55 đến 256 g/m ² (13 lbs bond đến 140 lbs index)
Dung lượng giấy	100 tờ

MX-FN34 Bộ hoàn thiện

Khổ giấy	Non offset	A3W đến A5* ³ (12" x 18" đến 5 1/2" x 8 1/2"*)
	Offset/staple	A3 đến B5* ⁴ (11" x 17" đến 8 1/2" x 11")
	Stapleless staple	A3, A4* ⁴ (11" x 17", 8 1/2" x 11"*)
Định lượng giấy	Non offset/offset/staple	55 đến 300 g/m ² (13 lbs bond đến 110 lbs cover)
	Stapleless staple	55 đến 105 g/m ² (13 lbs bond đến 28 lbs bond)
Dung lượng giấy	Finisher tray (Non offset)	3,000 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴)
	(Offset)	1,500 tờ (A3W, A3, B4, A4* ³ , B5* ³ , A5* ³)
		3,000 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴)
	(Staple)	1,500 tờ (A3, B4, A4* ³)
		200 bộ hoặc 3,000 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴)
	(Stapleless staple)	100 bộ hoặc 1,500 tờ (A3, B4, A4* ³)
		200 bộ (A4* ⁴), 100 bộ (A3)
Top tray	250 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴ , A5* ³)	
Khả năng đóng ghim* ⁵	Staple	125 tờ (A3W, A3, B4, A4* ³ , B5* ³)
	Stapleless staple	65 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴), 30 tờ (A3, B4, A4* ³)
	Manual staple	5 tờ* ⁶ (A3, A4* ⁴)
Vị trí đóng ghim	Staple mode	Tổng độ dày giấy 9 mm hoặc ít hơn (65 tờ)
	Stapleless staple mode	3 vị trí (trước, sau, 2 điểm)
Yêu cầu về điện năng	Stapleless staple mode	1 vị trí (sau)
	Manual staple mode	1 vị trí
Kích thước	Stapleless staple mode	Được cung cấp bởi máy chính
	Manual staple mode	533 x 653 x 1,103 mm (W x D x H)
Yêu cầu về điện năng	Stapleless staple mode	533 x 653 x 1,103 mm (W x D x H)
	Manual staple mode	635 x 653 x 1,167 mm (W x D x H)
Khối lượng (xấp xỉ)	Manual staple mode	33 kg

MX-FN35 Bộ căn chỉnh cuộn/đóng ghim

Khổ giấy	Non offset	A3W đến A5* ³ (12" x 18" đến 5 1/2" x 8 1/2"*)
	Offset/staple	A3 đến B5* ⁴ (11" x 17" đến 8 1/2" x 11")
	Stapleless staple	A3, A4* ⁴ (11" x 17", 8 1/2" x 11"*)
Định lượng giấy	Non offset/offset/staple	55 đến 300 g/m ² (13 lbs bond đến 110 lbs cover)
	Stapleless staple	55 đến 105 g/m ² (13 lbs bond đến 28 lbs bond)
	Saddle stitch	60 đến 256 g/m ² (16 lbs bond đến 140 lbs bond)
	Folding	55 đến 256 g/m ² (13 lbs bond đến 140 lbs bond)
Dung lượng giấy	Finisher tray (Non offset)	3,000 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴)
	(Offset)	1,500 tờ (A3W, A3, B4, A4* ³ , B5* ³ , A5* ³)
		3,000 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴)
	(Staple)	1,500 tờ (A3, B4, A4* ³)
		200 bộ hoặc 3,000 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴)
	(Stapleless staple)	100 bộ hoặc 1,500 tờ (A3, B4, A4* ³)
		200 bộ (A4* ⁴), 100 bộ (A3)
Top tray	250 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴ , A5* ³)	
Saddle stitch tray	125 tờ (A3W, A3, B4, A4* ³ , B5* ³)	
	10 bộ 11-20 tờ, 15 bộ 6-10 tờ, 25 bộ 1-5 tờ	
Khả năng đóng ghim* ⁵	Staple	65 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴), 30 tờ (A3, B4, A4* ³)
	Stapleless staple	5 tờ* ⁶ (A3, A4* ⁴)
	Manual staple	Tổng độ dày giấy 9 mm hoặc ít hơn (65 tờ)
Vị trí đóng ghim	Staple mode	3 vị trí (trước, sau, 2 điểm)
	Stapleless staple mode	1 vị trí (sau)
Yêu cầu về điện năng	Stapleless staple mode	1 vị trí
	Manual staple mode	Được cung cấp bởi máy chính
Kích thước	Stapleless staple mode	533 x 653 x 1,103 mm (W x D x H)
	Manual staple mode	635 x 653 x 1,167 mm (W x D x H)
Khối lượng (xấp xỉ)	Manual staple mode	57 kg

MX-FN21 Bộ hoàn thiện

Khổ giấy	Non offset	A3W đến A5* ³ (12" x 18" đến 5 1/2" x 8 1/2"*)
	Offset/staple	A3 đến B5* ⁴ (11" x 17" đến 8 1/2" x 11")
	Stapleless staple	A3, A4* ⁴ (11" x 17", 8 1/2" x 11"*)
Định lượng giấy	Non offset/offset	55 đến 300 g/m ² (13 lbs bond đến 110 lbs cover)
	Staple	60 đến 300 g/m ² (16 lbs bond đến 110 lbs bond)
Dung lượng giấy	Upper tray (Non offset)	1,500 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴ , A5* ³)
	(Staple)	750 tờ (A3W, A3, B4, A4* ³ , B5* ³)
		100 bộ hoặc 1,500 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴)
	Lower tray (Non offset)	50 bộ hoặc 750 tờ (A3, B4, A4* ³)
		2,500 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴), 1,500 sheets (A5* ³)
	(Offset)	750 tờ (A3W, A3, B4, A4* ³ , B5* ³)
		1,500 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴)
(Staple)	750 tờ (A3, B4, A4* ³)	
	100 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴), 50 tờ (A3, B4, A4* ³)	
Middle tray (Non offset)	250 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴ , A5* ³)	
Khả năng đóng ghim* ⁵	Staple	125 tờ (A3W, A3, B4, A4* ³ , B5* ³)
	Stapleless staple	100 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴), 50 tờ (A3, B4, A4* ³)
Vị trí đóng ghim	Stapleless staple	3 vị trí (trước, sau, 2 điểm)
Điện năng tiêu thụ (tối đa)	Stapleless staple	200W, 350W với MX-FD10
Yêu cầu về điện năng	Manual staple	AC 230V, 10A
Kích thước	Stapleless staple mode	654 x 765 x 1,040 mm (W x D x H)
	Manual staple mode	782 x 765 x 1,040 mm (W x D x H)
Khối lượng (xấp xỉ)	Manual staple mode	61 kg

Lưu ý: Tất cả các thông số kỹ thuật liên quan đến dung lượng giấy đều đề cập đến giấy 80 g/m.

*1: Nạp giấy chiều ngang cho giấy A5 và A6. *2: Nạp giấy chiều ngang cho giấy 7 1/4" x 10 1/2" và 5 1/2" x 8 1/2". *3: Nạp giấy chiều ngang. *4: Nạp giấy chiều dọc. *5: Sử dụng giấy 80 g/m², có thể bao gồm bia trước và bia sau (tổng cộng 2 tờ) loại giấy định lượng cao nhất có thể bám ghim. *6: Định lượng có thể bám ghim được đảm bảo lên đến 64 g/m² (4 tờ lên đến 81,4 g/m² và 3 tờ lên đến 105 g/m²). *7: Có thể bao gồm một tờ bia đơn có định lượng 300 g/m² trở xuống. *8: Chấp nhận các kích thước giấy theo tiêu chuẩn Bắc Mỹ. *9: Chấp nhận các kích thước giấy theo tiêu chuẩn ISO. *10: Các trang gấp chữ Z và gấp một nửa được đẩy ra từ bộ hoàn thiện (MX-FN21/FN22).

MX-FN22 Bộ căn chỉnh cuộn/đóng ghim

Khổ giấy	Non offset	A3W đến A5* ³ (12" x 18" đến 5 1/2" x 8 1/2"*)
	Offset/staple	A3 đến B5* ⁴ (11" x 17" đến 8 1/2" x 11")
Định lượng giấy	Non offset/offset	55 đến 300 g/m ² (13 lbs bond đến 110 lbs cover)
	Staple	60 đến 300 g/m ² (16 lbs bond đến 110 lbs bond)
Dung lượng giấy	Upper tray (Non offset)	1,500 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴ , A5* ³)
	(Staple)	750 tờ (A3W, A3, B4, A4* ³ , B5* ³)
		100 bộ hoặc 1,500 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴)
	Lower tray (Non offset)	50 bộ hoặc 750 tờ (A3, B4, A4* ³)
		2,500 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴), 1,500 sheets (A5* ³)
	(Offset)	750 tờ (A3W, A3, B4, A4* ³ , B5* ³)
		1,500 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴)
(Staple)	750 tờ (A3, B4, A4* ³)	
	100 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴), 50 tờ (A3, B4, A4* ³)	
Middle tray (Non offset)	250 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴ , A5* ³)	
Saddle stitch tray	125 tờ (A3W, A3, B4, A4* ³ , B5* ³)	
	5 bộ 16-20 tờ, 10 bộ 11-15 tờ, 15 bộ 6-10 tờ, 25 bộ 1-5 tờ	
Khả năng đóng ghim* ⁵	Staple	100 tờ (A4* ⁴ , B5* ⁴), 50 tờ (A3, B4, A4* ³)
Vị trí đóng ghim	Stapleless staple	3 vị trí (trước, sau, 2 điểm)
Điện năng tiêu thụ (tối đa)	Stapleless staple	200W, 350W với MX-FD10
Yêu cầu về điện năng	Manual staple	AC 230V, 10A
Kích thước	Stapleless staple mode	767 x 765 x 1,040 mm (W x D x H)
	Manual staple mode	896 x 765 x 1,040 mm (W x D x H)
Khối lượng (xấp xỉ)	Manual staple mode	108 kg

MX-TM10 Module cắt (dành cho MX-FN22)

Khổ giấy	A3W đến A4* ³ (12" x 18" đến 8 1/2" x 11"*)
Định lượng giấy	60 đến 300 g/m ² (16 lbs bond đến 110 lbs bond)
Dung lượng giấy	2 đến 20 tờ (60 to 81.4 g/m ²)
	2 đến 10 tờ (81.4 to 105 g/m ²)
	2 đến 3 tờ (105 to 220 g/m ²)
Chiều rộng cắt	2 đến 20 mm với mức tăng từng 0,1 mm
Yêu cầu về điện năng	Cung cấp bởi MX-FN22
Khối lượng (xấp xỉ)	32 kg

Modules bấm lỗ

Tên model	MX-FN21/FN22	MX-PN13A	MX-PN13B* ⁷	MX-PN13C* ⁸	MX-PN13D
	MX-FN34/FN35		MX-PN16B* ⁷	MX-PN15C* ⁸	MX-PN16D
Số lỗ có thể đục		2	3/2	4/2	4 (rộng)
Định lượng	MX-PN13A/B/C/D				55 đến 256 g/m ²
	MX-PN16B/C/D				50 đến 300 g/m ²
Yêu cầu về điện năng					Cung cấp bởi MX-FN22
Định lượng	MX-PN13A/B/C/D				3.7kg
	MX-PN16B/C/D				2.5kg

MX-FD10 Bộ gấp

Chế độ gấp	Chữ Z, chữ C, Accordion, gấp đôi, gấp 1 nửa	
Khổ giấy	Chữ Z	A3W đến A4* ³ (12" x 18" đến 8 1/2" x 11"*)
	Các kiểu khác	A4* ³ (8 1/2" x 11"*)
Định lượng giấy		55 đến 105 g/m ² (13 lbs bond đến 28 lbs bond)
Dung lượng giấy	Chữ Z* ¹⁰ gấp 01 nửa* ¹⁰	30 tờ (A3, B4), 10 tờ (A4* ³) 10 tờ (A4* ³)
	Chữ C/Accordion gấp đôi	40 tờ (A4* ³), 25 tờ (A4* ³)
Yêu cầu về điện năng		Cung cấp bởi MX-FN21/FN22
Kích thước		336 x 793 x 1,050 mm (W x D x H)
Khối lượng (xấp xỉ)		66 kg

MX-RB27 Bộ chỉnh xoắn giấy

Khổ giấy	A3W đến A5* ³ (12" x 18" đến 5 1/2" x 8 1/2"*)
Định lượng giấy	55 đến 300 g/m ² (13 lbs bond đến 110 lbs bond)
Yêu cầu về điện năng	Cung cấp bởi máy chính
Kích thước	214 x 762 x 986 mm (W x D x H)
Khối lượng (xấp xỉ)	19 kg

MX-CF11 Bộ kết nối

Khổ giấy	A3W đến A5* ³ (12" x 18" đến 5 1/2" x 8 1/2"*)	
Định lượng giấy	60 đến 220 g/m ² (16 lbs bond đến 80 lbs bond)	
Dung lượng giấy	Upper/lower tray	200 tờ /khay
Yêu cầu về điện năng		Cung cấp bởi máy chính
Kích thước	với khay chứa	540 x 760 x 1,276 mm (W x D x H)
	với khay mở rộng	690 x 760 x 1,276 mm (W x D x H)
Khối lượng (xấp xỉ)		45 kg

BP-LC11 Khay chứa lớn (A4)

Khổ giấy	A4* ⁴ , 8 1/2" x 11"*)
Định lượng giấy	60 đến 220 g/m ² (16 lbs bond đến 80 lbs bond)
Dung lượng giấy	3,500 tờ
Yêu cầu về điện năng	Cung cấp bởi máy chính
Kích thước	371 x 575 x 525 mm (W x D x H)
Khối lượng (xấp xỉ)	28 kg

MX-LC19 Khay chứa lớn (A3)

Khổ giấy	A3W đến A5* ³ (12" x 18" đến 8 1/2" x 11")
Định lượng giấy	60 đến 220 g/m ² (16 lbs bond đến 80 lbs bond)
Dung lượng giấy	3,000 tờ
Yêu cầu về điện năng	Cung cấp bởi máy chính
Kích thước	694 x 589 x 519 mm (W x D x H)
Khối lượng (xấp xỉ)	50 kg

MX-LT10 Khay nạp giấy theo chiều dọc

Khổ giấy	Rộng Dài	90 đến 205 mm 458 đến 1,300 mm
Dung lượng giấy		1 tờ
Kích thước	với khay chứa	338 x 195 x 107 mm (W x D x H)
	với khay mở rộng	581 x 195 x 130 mm (W x D x H)
Khối lượng (xấp xỉ)		0.8 kg

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số chung

Loại	Máy in đa chức năng dòng bán công nghiệp
Tốc độ in	A4 (8 1/2" x 11") ^{*1} : Tối đa 75 ppm A3 (11" x 17") [*] : Tối đa 37 ppm A3W: Tối đa 34 ppm
Bảng điều khiển	Màn hình LCD màu cảm ứng 10.1-inch
Khổ giấy	Tối đa A3W (12" x 18"), tối thiểu A6 (5 1/2" x 8 1/2") ^{*2}
Dung lượng giấy (80 g/m²)	Tiêu chuẩn: 3,200 tờ (Khay 1,250 tờ, khay 850 tờ, 2 khay 500 tờ và khay tay 100 tờ) Tối đa: 6,700 tờ (3,200 tờ & tùy chọn khay 3,500 tờ)
Định lượng giấy	Khay 1&2: 60 g/m ² đến 105 g/m ² (16 lbs đến 28 lbs bond) Khay 3&4: 60 g/m ² đến 220 g/m ² (16 lbs đến 80 lbs bond) Khay tay: 55 g/m ² đến 300 g/m ² (13 lbs bond đến 110 lbs cover)
Thời gian khởi động^{*3}	25 giây ^{*4}
Bộ nhớ	Tiêu chuẩn: 5 GB (copy/print shared) 256 GB SSD ^{*5} Tùy chọn: 512 GB ^{*6}
Nguồn điện	AC voltage ±10%, 50/60 Hz
Công suất tiêu thụ	Tối đa 2.07 kW (220V đến 240V)
Kích thước (W x D x H)^{*7}	663 x 763 x 1,240 mm
Trọng lượng	163 kg (359.4 lbs)

Copy

Khổ giấy	Tối đa A3 (11" x 17")
Thời gian sao chép lần đầu^{*8}	3.5 giây
Sao chép liên tục	Tối đa 9,999 bản
Độ phân giải	Scan: 600 x 600 dpi, 600 x 400 dpi, 600 x 300 dpi ^{*9} In: 1,200 x 1,200 dpi, 600 x 600 dpi, 9,600 (tương đương) x 600 dpi (tùy thuộc chế độ sao chép) Tương đương đến 256 mức
Tăng màu	Tương đương đến 256 mức
Phạm vi thu phóng	25% đến 400% (25% đến 200% với RSPF) tăng từng 1%
Mức thu phóng đặt sẵn	Hệ mét: 10 ratios (5R/5E), Hệ inch: 8 ratios (4R/4E)

Scan

Phương thức scan	Scan đẩy (bằng màn hình điều khiển) Scan kéo (bằng ứng TWAIN)
Tốc độ scan^{*10} (màu và trắng đen)	1 mặt: Tối đa 140 bản/phút 2 mặt: Tối đa 280 bản/phút
Độ phân giải	Scan đẩy: 100, 150, 200, 300, 400, 600 dpi Scan kéo: 75, 100, 150, 200, 300, 400, 600 dpi 50 dpi to 9,600 dpi (người dùng cài đặt) ^{*11}
Định dạng	TIFF, PDF, PDF/A-1a, PDF/A-1b, encrypted PDF, XPS, compact PDF ^{*12} , JPEG ^{*12} , searchable PDF, OOXML (pptx, xlsx, docx), text (TXT [UTF-8]), rich text (RTF)
Điểm đến	Email/desktop ^{*13} /FTP server/network folder (SMB)/ USB drive/local drive

*1: Nạp giấy chiều dọc.

*2: Chỉ có thể sử dụng nạp giấy chiều ngang với giấy A6 và 5 1/2" x 8 1/2".

*3: Trong môi trường đo lường tiêu chuẩn. Có thể thay đổi tùy theo điều kiện vận hành và môi trường.

*4: Khi khởi động MFP thông qua nút nguồn. 38 giây khi khởi động thông qua công tắc nguồn chính.

*5: Dung lượng lưu trữ phụ thuộc vào tình trạng mua sắm và tìm nguồn cung ứng.

*6: Thay thế ổ SSD được trang bị tiêu chuẩn bằng BP-SD10 tùy chọn sẽ tăng dung lượng lưu trữ lên 512 GB.

*7: Bao gồm cả phần nhô ra.

*8: Nạp giấy cạnh dài các tờ A4 (8 1/2" x 11") từ khay giấy thứ nhất, sử dụng kính tài liệu, MFP ở trạng thái sẵn sàng hoàn toàn. Có thể thay đổi tùy theo điều kiện vận hành và môi trường.

*9: Không khả dụng khi sử dụng kính tài liệu

*10: Dựa trên biểu đồ tiêu chuẩn A4 của Sharp, sử dụng bộ nạp tài liệu, nạp giấy cạnh dài, quét một mặt và cài đặt mặc định của nhà sản xuất. Tốc độ quét sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại tài liệu và cài đặt quét.

*11: Độ phân giải sẽ khác nhau tùy thuộc vào kích thước của vùng được quét.

*12: Chỉ màu/thang độ xám.

*13: Yêu cầu Network Scanner Tool Lite.

*14: Dung lượng lưu trữ sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại tài liệu và cài đặt quét.

*15: Một số tính năng yêu cầu thiết bị tùy chọn.

*16: Yêu cầu BP-EB10 tùy chọn. Tính khả dụng của tùy chọn này khác nhau tùy theo quốc gia/khu vực.

*17: Dựa trên biểu đồ tiêu chuẩn của Sharp với khoảng 700 ký tự (A4 hoặc 8 1/2" x 11") nạp cạnh dài) ở độ phân giải tiêu chuẩn ở chế độ Super G3, 33.600 bps, nén JBIG.

Lưu trữ tài liệu

Dung lượng^{*14}	Thư mục chính và tùy chỉnh: 20,000 trang / 3,000 tập tin Thư mục nhanh: 10,000 trang / 1,000 tập tin
Công việc được lưu trữ^{*15}	Copy, in, scan, fax
Thư mục lưu trữ	Thư mục nhanh, thư mục chính và thư mục tùy chỉnh (Tối đa 1,000 thư mục)

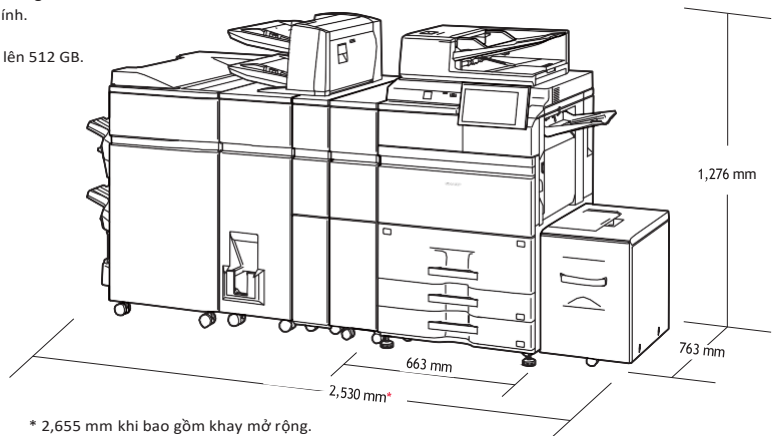
In

Độ phân giải	1,200 x 1,200 dpi, 600 x 600 dpi, 9,600 (tương đương) x 600 dpi
Giao diện	USB 2.0 (host, high-speed), USB 3.0 (host, super speed), 10Base-T/100Base-TX/1000Base-T, wireless LAN (IEEE 802.11 a/b/g/n/ac) ^{*16}
Hệ điều hành tương thích	Windows Server 2012, Windows Server 2012 R2, Windows Server 2016, Windows Server 2019, Windows Server 2022, Windows 8.1, Windows 10, Windows 11, Mac OS 10.10, 10.11, 10.12, 10.13, 10.14, 10.15, 11, 12
Giao thức mạng	TCP/IP
Giao thức in	LPR, Raw TCP (port 9100), POP3 (email printing), HTTP, FTP for downloading print files, IPP, IPP Everywhere, SMB, WSD
PDL	Tiêu chuẩn: PCL 6 emulation Tùy chọn: Adobe PostScript 3
Phông chữ	80 fonts for PCL, 139 fonts for Adobe PostScript 3

Fax (tùy chọn gắn thêm BP-FX11)

Phương thức nén	MH/MR/MMR/JBIG
Giao thức truyền thông	Super G3/G3
Thời gian truyền	Ít hơn 3 giây ^{*17}
Tốc độ modem	33,600 bps đến 2,400 bps với tính năng automatic fallback
Độ phân giải	Tiêu chuẩn (203.2 x 97.8 dpi) đến Ultra Fine (406.4 x 391 dpi)
Khổ giấy	A3 đến A5 (11" x 17" to 5 1/2" x 8 1/2")
Bộ nhớ	4 GB (built-in)
Mức độ thang xám	Tương đương 256 mức

- Thiết kế và thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.
- Microsoft Teams, Windows và Windows Server là các nhãn hiệu của tập đoàn Microsoft. AirPrint và Mac là các nhãn hiệu của Apple Inc., đã đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác. Wi-Fi Protected Setup là nhãn hiệu của Wi-Fi Alliance®. PCL là nhãn hiệu đã đăng ký của Hewlett-Packard Company. Adobe và PostScript là các nhãn hiệu đã đăng ký hoặc nhãn hiệu của Adobe tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác. Tất cả các tên thương hiệu và tên sản phẩm khác có thể là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của chủ sở hữu tương ứng.



* 2,655 mm khi bao gồm khay mở rộng.

Hiển thị với thiết bị tùy chọn.

*Thiết kế và thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần báo trước. Vui lòng liên hệ nhân viên kinh doanh để biết thêm thông tin chi tiết.

SHARP
Be Original.

SHARP ELECTRONICS (VIETNAM) COMPANY LIMITED.
T5-B03.07 & T5-B03.09, Tầng 3 Masteri Thảo Điền,
159 Võ Nguyên Giáp, Phường Thảo Điền, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh
Website: vn.sharp Hotline: 1-800-1594
Service email: sbs-service@svn.sharp-world.com

Scan QR
để kết nối
Zalo OA

